

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 11/2021/KDTM-GĐT

Ngày 09/7/2021

Về: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm có:*

Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn – Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn và ông Đặng Kim Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng* tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*", giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ chi nhánh: Số K đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

* *Bị đơn:* Ông Lê Viết Ch - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P; địa chỉ: Số 72 đường Tăng Bạt Hổ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Công ty trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt là Công ty T) trình bày như sau:

Ngày 21/11/2011, Công ty T và ông Lê Viết Ch - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P (viết tắt là Doanh nghiệp P) ký Hợp đồng kinh tế số 21/11/HĐKT/PLH-TP/2011 và ngày 12/12/2011, hai bên ký tiếp phụ lục hợp đồng số 01. Theo đó, Doanh nghiệp P bán sản lát khô cho Công ty T, số lượng 3.000 tấn, giá trị 5.750.000 đồng/tấn, thời gian giao nhận hàng kể từ ngày ứng tiền đến hết ngày 16/12/2011. Ngày 09/12/2011, Công ty T chuyển 12.000.000.000 đồng tiền tạm ứng. Trong các ngày 13, 23, 26/12/2011, Công ty T có các Công văn số 15, 16, 17, 18 yêu cầu Doanh nghiệp P giao hàng nhưng vẫn không nhận được hàng. Ngày 23/12/2011,

Công ty T nhận được công văn (không số) của Doanh nghiệp P yêu cầu Công ty T phải trả 6.112.500.000 đồng vì cho rằng Công ty T không có thu nhận hàng theo quy định nên Doanh nghiệp P không giao hàng. Công ty T tiếp tục có Công văn số 21/CV-TP ngày 28/12/2011 và Công văn số 22/CV-TP ngày 03/01/2012 đề nghị được kiểm định hàng hóa và yêu cầu Doanh nghiệp P giao hàng theo đúng số tiền đã chuyển nếu không thì Doanh nghiệp P phải trả lại tiền. Ngày 26/3/2012, Công ty T nhận được lệnh giao hàng của Doanh nghiệp P cùng bản giám định của Công ty giám định Lửa Việt với nội dung hàng hóa (sắn lát khô) tại kho của Doanh nghiệp P đảm bảo chất lượng. Cùng ngày 26/3/2012, Công ty T chuyển tiếp số tiền 1.800.000.000 đồng (để đủ tạm ứng 80% theo quy định). Tổng cộng, Công ty T đã chuyển cho Doanh nghiệp P số tiền 13.800.000.000 đồng. Ngày 28/3/2012, Công ty T tiến hành nhận hàng và tự ý giám định lại số hàng hóa đã nhận. Theo Chứng thư giám định số CF 22/6.14.0086 ngày 29/3/2012 của Công ty giám định và khử trùng Q thì hàng không đạt chất lượng theo thỏa thuận. Ngày 10/04/2012, Công ty T gửi Công văn số 10/04/12/CV-TP đề nghị Doanh nghiệp P giữ lại lô hàng 3.000 tấn để hai bên cùng thuê đơn vị giám định độc lập xác định giá trị lô hàng nhưng sau đó Doanh nghiệp P đã bán lô hàng nói trên.

Do Doanh nghiệp P vi phạm hợp đồng nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Doanh nghiệp P phải thanh toán cho Công ty TNHH T các khoản tiền sau:

- Số tiền tạm ứng ngày 09/12/2011: 12.000.000.000đ.
- Số tiền tạm ứng ngày 26/3/2012: 1.800.000.000đ.
- Số hàng mỳ lát mà Công ty T đã nhận từ Doanh nghiệp P nhưng chưa thanh toán cho Doanh nghiệp P: $49.280\text{kg mỳ lát} \times 5.750.000\text{đ/tấn} = 283.360.000\text{đ}$, Công ty T đồng ý trừ vào tiền ứng trước $13.800.000.000\text{đ} - 283.360.000\text{đ} = 13.516.640.000\text{đ}$.

Riêng đối với số tiền phạt hợp đồng là 10% theo Điều 6 của Hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý tính theo quy định pháp luật 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm: $18.112.500.000\text{đ} - 283.360.000\text{đ} = 17.829.140.000\text{đ} \times 8\% = 1.426.331.200\text{đ}$.

Tiền lãi quá hạn của số tiền 12.000.000.000đ từ ngày 09/12/2011 đến ngày xét xử là $12.000.000.000\text{đ} \times 29\text{ tháng} \times 1,25\% = 4.350.000.000\text{đ}$.

Tiền lãi của số tiền $1.800.000.000\text{đ} - 283.360.000\text{đ} = 1.516.640.000\text{đ}$ tính từ ngày 26/3/2012 đến ngày xét xử là: $1.516.640.000\text{đ} \times 1,25\% \times 26\text{ tháng} = 492.908.000\text{đ}$.

Tổng cộng: Công ty T yêu cầu Doanh nghiệp P phải thanh toán số tiền là 19.785.879.200đ.

- Bị đơn ông Lê Viết Ch - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P trình bày:

Doanh nghiệp P thống nhất với trình bày của Công ty T về việc ký hợp đồng và Phụ lục hợp đồng mua sản lát khô. Theo Điều 4 của hợp đồng quy định Công ty T phải ứng trước cho Doanh nghiệp P 80% giá trị lô hàng 3.000 tấn là 13.800.000.000 đồng nhưng Công ty T mới chỉ chuyển cho Doanh nghiệp P 12.000.000.000 đồng. Do đó, Doanh nghiệp P không thể xuất hàng được dẫn đến hợp đồng hết thời hạn. Để tạo điều kiện cho các bên thực hiện hợp đồng, Doanh nghiệp P đồng ý cho nhận hàng theo số tiền tương ứng đã chuyển nhưng Công ty T từ chối không nhận hàng và gây nhiều khó khăn ảnh hưởng đến uy tín của Doanh nghiệp P.

Ngày 24/3/2012, hai bên lập biên bản thỏa thuận trong đó xác định Công ty T thừa nhận đã vi phạm hợp đồng do chưa chuyển đủ 80% tiền tạm ứng; Công ty T sẽ chuyển tiếp 1.800.000.000 đồng, Doanh nghiệp P có trách nhiệm thuê Công ty cổ phần Giám định Lửa Việt kiểm định chất lượng hàng hóa. Ngày 26/3/2012, Doanh nghiệp P có lệnh xuất giao hàng cho Công ty T với thời gian giao hàng là ngày 27/3/2012 kèm theo chứng thư giám định của Công ty cổ phần Giám định Lửa Việt xác định lô hàng đảm bảo chất lượng. Công ty T nhận được 06 xe, khoảng 49,280 kg sản lát khô thì dừng không tiếp tục nhận với lý do hàng không đảm bảo chất lượng. Trong thời gian này, hàng sản lát bị rớt giá, Công ty T muốn lưu hàng trong kho của Doanh nghiệp P, kéo dài thời gian nhận hàng chờ giá lên. Ngày 09/4/2012, Doanh nghiệp P có Văn bản số 29/CV- PL yêu cầu Công ty T nhận hàng, nếu không nhận thì Doanh nghiệp P sẽ bán cho khách hàng khác. Do không nhận được phản hồi của Công ty T nên ngày 16/4/2012, Doanh nghiệp P đã xuất bán lô hàng 3.000 tấn sản lát khô cho khách hàng khác dưới sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương. Hiện nay, giữa Doanh nghiệp P và Công ty T không còn tranh chấp về lô hàng, chỉ tranh chấp về tiền bồi thường thiệt hại và tiền tạm ứng.

* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2014/KDTM-ST ngày 30/5/2014, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

- Buộc ông Lê Viết Ch - Chủ DNTN P phải trả cho Công ty TNHH T số tiền ứng trước theo Hợp đồng mua bán số 21/11/HĐKT/PLHTP/2011 ngày 21/11/2011 là 13.516.000.000 đồng; tiền lãi của số tiền trên là 4.302.797.066 đồng và tiền phạt 8% giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 1.426.331.200 đồng. Tổng cộng là 19.245.128.266 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 20/6/2014, Doanh nghiệp P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 13/6/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định có Quyết định số 525/QĐ/KNPT-DS kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm bản án sơ thẩm nói trên. Ngày 30/7/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định ra Quyết định số 852/QĐRKNT-VKS về việc rút Quyết định kháng nghị số 525/QĐ/KNPT-DS ngày 13/6/2014 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định: *Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2014/KDTM-ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.*

Ngày 26/3/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Quyết định số 03/2015/KN-KDTM kháng nghị đối với bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2014/KDTM-ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 39/2015/KDTM-GĐT ngày 27/5/2015, Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Hủy một phần bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phạt đối với nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và phần án phí liên quan. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, không bị hủy tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/8/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Quyết định số 11/2015/KN-KDTM kháng nghị đối với Quyết định giám đốc thẩm số 39/2015/KDTM-GĐT ngày 27/5/2015 của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2014/KDTM-ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2016/GĐ-KDTM ngày 09/3/2016, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Không chấp nhận kháng nghị số 11/2015/KN-KDTM ngày 18/8/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và giữ nguyên Quyết định giám đốc thẩm số 39/2015/KDTM-GĐT ngày 27/5/2015 của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 09/2016/KDTM-PT ngày 21/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2014/KDTM-ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Buộc ông Lê Viết Ch - Chủ DNTN P phải trả cho Công ty TNHH T số tiền ứng trước theo Hợp đồng mua bán số 21/11/HĐKT/PLH-TP/2011 ngày 21/11/2011 là 13.516.000.000 đồng tiền lãi của số tiền trên là 4.302.797.066 đồng và tiền phạt 8% giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 1.357.331.200 đồng. Tổng cộng là 19.176.768.266 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 18/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã có Công văn số 1155/2020/CV-TA và ngày 15/01/2021, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định có Công văn số 80/CTHADS-NV báo cáo đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 57/QĐ-VKS-KDTM ngày 28/4/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo hướng: Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 09/2016/KDTM-PT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo hướng hủy bỏ đối với phần tuyên: *“Buộc ông Lê Viết Ch Chủ DNTN P phải trả cho Công ty TNHH T số tiền ứng trước theo Hợp đồng mua bán số 21/11/HĐKT/PLH-TP/2011 ngày 21/11/2011 là 13.516.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ số tiền trên là 4.302.797.066 đồng và phần án phí liên quan”*.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 57/QĐ-VKS-KDTM ngày 28/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2016/NĐKDTM ngày 09/3/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã giữ nguyên Quyết định giám

độc thẩm số 39/2015/KDTM-GĐT ngày 27/5/2015 của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao, Quyết định này đã nhận định:... Khi hai bên còn đang tranh chấp về chất lượng lô hàng sắn lát khô, nhưng doanh nghiệp P đã bán lô hàng đó đi và cũng không có hàng mới giao cho Công ty T, đồng thời cũng không chuyển trả lại số tiền đã nhận ứng trước 80% của Công ty T, nên Tòa án sơ thẩm và Tòa phúc thẩm đã buộc hoàn trả lại số tiền đã nhận ứng và buộc (kể từ ngày bán lô hàng) phải chịu tiền lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp; về tiền phạt do vi phạm hợp đồng: Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty T và buộc doanh nghiệp P phải chịu mức tiền phạt 8% giá trị toàn bộ hợp đồng với tổng số tiền 17.829.140.000 đồng là không đúng, mà cần xem xét giải quyết lại trên cơ sở giá trị hợp đồng như hai bên đã ký kết được xác định là 17.250.000.000 đồng, trừ đi giá trị 49.280 kg sắn lát khô Công ty T đã nhận; số hàng chưa được nhận là giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm theo Điều 301 Luật Thương mại năm 2005. Từ đó quyết định: Hủy một phần bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phạt đối với nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và phần án phí liên quan. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật; các quyết định khác của bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, không bị hủy tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[2] Căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm nêu trên, lẽ ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chỉ thụ lý và giải quyết lại vụ án đối với phần bản án bị huỷ tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014, vì các phần khác còn lại của Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quá trình xét xử lại, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuyên xử lại toàn bộ các nội dung tranh chấp, trong đó có cả phần nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật theo Quyết định giám đốc thẩm số 39/2015/KDTM-GĐT ngày 27/5/2015 của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định giám đốc thẩm số 02/2016/NĐKDTM ngày 09/3/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đó là phần “*Buộc ông Lê Viết Ch - Chủ DNTN P phải trả cho Công ty TNHH T số tiền ứng trước theo Hợp đồng hợp đồng mua bán số 21/11/HĐKT/PLH-TP/2011 ngày 21/11/2011 là 13.516.000.000 đồng; tiền lãi của số tiền trên là 4.302.797.066 đồng và các phần án phí có liên quan*”, điều này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng theo hướng sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại số 09/2016/KDTM-PT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, tuyên buộc ông Lê Viết Ch - Chủ

DNTN P phải trả cho Công ty TNHH T số tiền phạt 8% giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 1.357.331.200 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi một ngàn hai trăm đồng) và phần án phí có liên quan.

[4] Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P phải chịu án phí tiền phạt 8% giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm: 1.357.331.200, đồng là: 52.719.900 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm mười chín ngàn chín trăm đồng). Theo Bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 127.245.000 đồng, đồng bao gồm án phí tiền phạt vi phạm hợp đồng (1.426.331.200, đồng) và tiền phải trả cộng lãi (17.818.797.066 đồng). Án phí tính chung bao gồm tiền phải trả và lãi (17.818.797.066 đồng) và tiền phạt hợp đồng sau khi tính lại theo Bản án số 09/2016/KDTM-PT ngày 21/9/2016 của TAND tỉnh Bình Định (1.357.331.200 đồng) là: 127.176.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng; do đó, phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nghĩa vụ phải trả tiền ứng trước và lãi ông Lê Viết Ch - chủ DNTN P còn phải chịu theo Bản án phúc thẩm số 08/2014/DS-PT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là: 127.176.000 đồng – 52.719.900 đồng = 74.456.100 đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 5 Điều 343 và khoản 1 Điều 347 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 57/QĐ-VKS-KDTM ngày 28/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 09/2016/KDTM-PT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng các Điều 24, 34, 39, 261, 262, 300, 301, 306 và 319 Luật Thương mại, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T.

Buộc ông Lê Viết Ch - Chủ DNTN P phải trả cho Công ty TNHH T số tiền phạt 8% giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 1.357.331.200 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi một ngàn hai trăm đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P phải chịu là: 52.719.900 đồng (Năm mươi hai triệu, bảy trăm mười chín ngàn chín trăm đồng).

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lê Viết Ch – chủ DNTN P số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 06406 ngày 25/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TANDTC
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ;
- Tòa án nhân dân TP Q, tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Tuấn